

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ- ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2021
“V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Khoa

2. Bà Bùi Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01/4/2021 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Văn T ngày 06/02/2009. Trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và ở chung với gia đình chồng, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc, được vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không chín chu làm ăn hay cờ bạc, cá độ bóng đá, chị thường xuyên phải đi trả nợ thay cho anh, chị khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe. Ngoài ra vợ chồng còn bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2017 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, năm 2019 vợ chồng lại về đoàn tụ nhưng 02 tháng sau khi đoàn tụ chị lại về mẹ đẻ ở vợ chồng

sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/9/2010. Hiện cháu A đang ở với chị còn cháu B đang ở với anh. Ly hôn chị xin nuôi cháu A để anh T nuôi cháu B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 14/04/2021 anh trình bày:

Anh có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng anh không đến Tòa vì lý do anh bận công việc.

Anh xác nhận điều kiện kết hôn và quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng, chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2017 đến nay. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị L xin ly hôn anh không đồng ý nhưng anh cũng không xin đoàn tụ, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 20/02/2009 và cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/9/2010. Hiện cháu A đang ở với chị L còn cháu B đang ở với anh. Ly hôn anh xin nuôi cháu B để chị L nuôi cháu A, không ai phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, đất canh tác: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Vũ Long B thể hiện nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Vũ Ngọc A thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 20/02/2009 anh Vũ Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/9/2010. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, đất canh tác: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí, chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh T. Bị đơn anh T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn Y, xã B, huyện Yên Lạc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo các quy định tại các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 69, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Vũ Văn T vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Vũ Văn T ngày 06/02/2009 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, tỉnh Vĩnh Phúc đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn, thời gian sống ly thân dài anh chị không gian xếp đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho anh T đến tòa hòa giải nhưng anh T cũng không đến chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho anh chị ly hôn để các bên ổn định cuộc sống riêng của mình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh chị thấy: Về chỗ ở, anh chị đều có chỗ ở ổn định (ở tại nhà của bố mẹ đẻ). Về thu nhập, anh có nguồn thu nhập từ nghề thợ xây, chị có nguồn thu nhập từ lương công nhân, như vậy về điều kiện nuôi con cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Vậy cần chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung, giao cho anh nuôi cháu B, giao cho chị nuôi cháu A là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, cả hai anh chị đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của hai anh chị là tự nguyện và phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: chị L, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Ngọc A, sinh ngày 20/02/2009; anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Vũ Long B, sinh ngày 28/9/2010. Hiện cháu A đang ở với chị L cháu B đang ở với anh T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000242 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THAD huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận